

Bản án số: **619/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-10-2019

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

2/ Ông Trần Phú Nhuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2019, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2019/QĐST-DS ngày 23/9/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Lưu Thuận Minh P, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: 11/21 N, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: 11/21 N, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại bản tự khai nguyên đơn Bà Lưu Thuận Minh P trình bày:

Bà P và Ông T tự nguyện chung sống từ năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 10 theo giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 01/11/2018.

Quá trình chung sống, vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân nhưng vì cả hai còn quá trẻ nên đời sống chung luôn có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do Ông T gây nên. Ông T luôn có những hành động, lời lẽ xúc phạm gia đình Bà P cũng như thường xuyên hành hạ cuộc sống tinh thần của Bà P. Dù gia đình Bà P cố gắng chia sẻ khó khăn của vợ chồng nhưng Ông T không nhận thấy và còn lấy hết tài sản của vợ chồng đem bán, cầm cố. Do vợ chồng không còn tình cảm nên Bà P nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà P xin được ly hôn với Ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lưu Minh Tsinh ngày 29/12/2018. Khi ly hôn Bà P xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn Ông Nguyễn Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số hôn số 39, ngày 01/11/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 10, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn Thanh T và Bà Lưu Thuận Minh P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Bà P yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Ông T hiện đang cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn Ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn Bà Lưu Thuận Minh P là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do vậy Tòa căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, Bà P trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân. Nguyên nhân là do Ông T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên không có thời gian với vợ con dẫn đến đời sống vợ chồng xa cách. Bà P do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình nên các bên luôn làm cho cuộc sống hôn nhân rất nặng nề. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Ông T không tham gia hòa giải cho thấy bản thân Ông T cũng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay Bà P xin ly hôn Ông T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lưu Minh Tsinh ngày 29/12/2018. Xét yêu cầu của Bà P xin được nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con..” Hiện trẻ Triết dưới 03 tuổi và đang được Bà P chăm sóc, giáo dục. Do đó, việc giao trẻ Triết cho Bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quyền lợi và quy định pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con Bà P không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Bà P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Về quan hệ vợ chồng: Bà Lưu Thuận Minh P được ly hôn Ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Lưu Minh Tsinh ngày 29/12/2018 cho Bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Bà P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà P chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017546 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với Bà P, Ông T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P6, Q10;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn